

Tư duy học - Một giới thiệu dẫn nhập

Tô Duy Hợp^(*)

Tóm tắt: *Tư duy học (Thinking Studies) là một bộ môn học thuật (lý luận và khoa học) rất mới mẻ ở tầm quốc gia và cả quốc tế, dựa trên 2 nền tảng là Triết học Tư duy (Thinking Philosophy) và Khoa học Tư duy (Thinking Science), thực hiện cả 3 chức năng: nghiên cứu, đào tạo, và ứng dụng. Tư duy học có thể được quan niệm bao gồm 3 bộ phận hợp thành sau: 1/ Tư duy học chuyên biệt (Specialized Thinking Studies); 2/ Tư duy học đại cương (General Thinking Studies); và 3/ Cơ sở Tư duy học đương đại (Foundation of Contemporary Thinking Studies).*

Từ khóa: Tư duy học, Tư duy học chuyên biệt, Tư duy học đại cương, Tư duy học đương đại

I. Tư duy học chuyên biệt

Tư duy học chuyên biệt đi sâu vào các chủ đề/vấn đề chuyên biệt về Tư duy như: Tư duy khoa học, Tư duy kỹ thuật, Tư duy hệ thống, Tư duy sáng tạo, Tư duy kinh tế, Tư duy chính trị, v.v... Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về Tư duy học chuyên biệt, tiêu biểu là những công trình sau đây:

- Helga Nowotny, Peter Scott, Michael Gibbons (2009), *Tư duy lại Khoa học. Tri thức và Công chúng trong Kỷ nguyên bất định (Re-Thinking Science. Knowledge and the Public in an Age of Uncertainty*, Polity Press Ltd. Cambridge. UK. 2002), Người dịch: Đặng Xuân Lạng & Lê Quốc Quýnh, Nxb. Tri Thức, Hà Nội.

- Jamshid Gharajdaghi (2005), *Tư duy hệ thống. Quản lý hỗn độn và phức hợp. Một cơ sở cho thiết kế kiến trúc kinh doanh (Systems Thinking. Managing Chaos and Complexity. A Platform for Designing Business Architecture*, Butterworth - Heinemann. Boston - Oxford - Auckland, Johannesburg - Melbourne - New Delhi, 1999), Người dịch: Chu Tiến Ánh, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

- Nhiều tác giả, Rowan Gibson (biên tập) (2006), *Tư duy lại tương lai (Rethinking the Future*, Nicholas Brealey Publishing. London & Boston. 1998), Người dịch: Vũ Tiến Phúc, Dương Thủy, Phi Hoàng, Nxb. Trẻ & Thời báo kinh tế Sài Gòn.

- Nguyễn Trọng Khanh (2011), *Phát triển năng lực và Tư duy kỹ thuật*, Nxb. Đại học sư phạm, Hà Nội.

^(*) GS.TS, Giám đốc Trung tâm Khoa học Tư duy (CTS), Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

- Nhiều tác giả (2012), *Tư duy sáng tạo và Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb. Tri Thức, Hà Nội.

- *The 5 Elements of Effective Thinking*, Copyright 2012 by B. Burger and Michael Starbird, Bản dịch sang tiếng Việt: *5 nhân tố phát triển Tư duy hiệu quả*^(*), 2014, Người dịch: Minh Hiền, Nxb. Lao động, Hà Nội.

II. Tư duy học đại cương

Tư duy học đại cương tập trung vào những chủ đề/vấn đề tổng quát về Tư duy như: các đặc điểm chung của Tư duy, bản chất và những tính quy luật chung của Tư duy, dự báo xu hướng tất yếu của Tư duy trong tương lai, v.v... Trong triết học và khoa học hiện đại đã có một số công trình nghiên cứu Tư duy học đại cương, với các chủ đề sau:

1. Luận bàn về Phương pháp tư duy

Tiêu biểu trong số này là: John Dewey (2013), *Cách ta nghĩ (How We Think)*, 1909, Vũ Đức Anh dịch, Nxb. Tri Thức, Hà Nội. Khi Tư duy đối diện với các nan đề (được thể hiện dưới dạng đối/hợp khái niệm hay song đề lý thuyết, như *Tâm lý hoặc/và Luận lý, Quy nạp hoặc/và Diễn dịch, Phân tích hoặc/và Tổng hợp, Suy nghĩ cụ thể hoặc/và Suy nghĩ trừu tượng, Suy luận kinh nghiệm hoặc/và Suy luận khoa học, Cái vô thức hoặc/và Cái hữu thức, Quá trình hoặc/và Sản phẩm, Cái ở xa hoặc/và Cái gần kề*,... thì sẽ có nhiều phương thức tương đối hợp lý để tìm

hiểu và hóa giải tình trạng nan đề đó. Tuy nhiên theo quan điểm của John Dewey thì lý tưởng của sự lựa chọn hợp lý không phải là thái độ cực đoan, thái quá mà là *sự cân bằng hay hài hòa giữa các vế đối lập* làm nên mối quan hệ mâu thuẫn, thống nhất biện chứng. Thực ra, lý tưởng không phải là sự lựa chọn thực tế và cũng không phải là sự lựa chọn duy nhất! Vì vậy, Quan điểm của J. Dewey chỉ là một trong những cách lựa chọn hợp lý mà thôi!

2. Dự báo về những đặc điểm mới của Tư duy trong tương lai

Trong các nghiên cứu về chủ đề này, tiêu biểu là:

- Naisbitt (2009), *Lối Tư duy của tương lai (Mind Sets! Reset your Thinking and see the future)*, Published by arrangement between John Naisbitt c/o Levin Greenberg Literary Agency, Inc, and Alphabooks, All Rights Reserved, 2006), Hồng Lê dịch, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội. Theo tác giả, có 11 lối tư duy mới: 1/ Nhiều điều thay đổi nhưng đa phần mọi thứ vẫn giữ nguyên; 2/ Tương lai được gói trong hiện tại; 3/ Tập trung vào kết quả; 4/ Hiểu được sức mạnh của việc tạo ra lối đi riêng; 5/ Nhìn tương lai như một bức tranh xếp hình; 6/ Đừng đi trước đám đông quá xa; 7/ Thay đổi phải gắn liền với lợi ích thực tiễn; 8/ Những điều chúng ta hy vọng xảy ra luôn diễn ra chậm hơn; 9/ Cách khai thác cơ hội, chứ không phải cách giải quyết khó khăn quyết định thành công của bạn; 10/ Đừng cộng nếu chưa trừ; 11/ Yếu tố không thể bỏ qua: Tính sinh thái của Công nghệ. Theo tác giả, “Chí ít người ta phải đối mặt với *mâu thuẫn giữa trí tuệ và tâm hồn, bằng chứng khoa học và*

^(*) “Element” nên dịch là “Yếu tố” thì chính xác và chặt chẽ hơn. Người dịch đã thêm cụm từ “*Phát triển*” không có trong nguyên bản tiếng Anh; như thế đã thu hẹp phạm vi vấn đề của cuốn sách, bao gồm đa chiều cạnh và đa cấp độ của Tư duy hiệu quả.

tín ngưỡng tôn giáo sâu sắc đến vậy. Nhưng tất cả chúng ta đều bị thách thức phải tìm ra *sự cân bằng giữa phát triển và ổn định, giữa tham vọng và thiên định, giữa đa dạng công nghệ cao và khan hiếm giao tiếp kinh tế...* những gì chúng ta cần để tạo nên cuộc sống. Chúng ta thường quan tâm tới vật chất và quên đi việc nuôi dưỡng tâm hồn” (J. Naisbitt, 2009, tr.307).

- Howard Gardner (2014), *Thay đổi Tư duy: Nghệ thuật và Khoa học thay đổi Tư duy của bản thân và những người khác (Changing Minds: the art and science of changing our own and other peoples Minds*, Copyright 2004, Howard Gardner, Published by arrangement with Harvard Business Review Press), Người dịch: Võ Kiều Linh, Nxb. Khoa học xã hội - DT BOOKS, Hà Nội. Howard Gardner quan niệm, “Nếu muốn lấp đầy mọi chỗ ngò trong khán phòng thay đổi tư duy, thì sẽ có hàng trăm cửa vào: cụ thể là tôi đã xác định 6 phạm trù, sắp xếp theo hình kim tự tháp^(*); 4 loại nội dung ý tưởng (từ khái niệm cho đến lý thuyết)^(**); ít nhất 8 hình thức thể hiện (thông qua 8 dạng thông minh)^(***); và 7 đòn bẩy khác nhau dẫn dắt hoặc ngăn cản sự thay đổi (lý luận^(****), nghiên cứu, sức cộng

hưởng, tái diễn giải, nguồn lực và phần thưởng, những biến cố trên thế giới, và sự phản kháng^(*)” (H. Gardner, 2014, tr.125-126). “Với quan điểm tổng quát về thay đổi tư duy này làm nền tảng, tôi xin chất lọc một số vấn đề then chốt. Đây có thể là danh mục kiểm tra khi chúng ta xem xét về việc thay đổi tư duy: 1/ Nội dung hiện tại và nội dung mong muốn; 2/ Số lượng đối tượng; 3/ Loại đối tượng; 4/ Thay đổi trực tiếp hoặc gián tiếp; 5/ Các đòn bẩy tạo thay đổi và điểm quyết định; 6/ Khía cạnh đạo đức” (H. Gardner, 2014, tr.357-361).

- Howard Gardner (2012), *Năm Tư duy cho Tương lai (Five Minds for the Future*, Copyright 2007, Howard Gardner, Published by arrangement with Harvard Business Review Press), Người dịch: Đặng Nguyễn Hiếu Trung & Tô Tường Quỳnh, Nxb. Trẻ - DT BOOKS, Hà Nội. *Tư duy nguyên tắc (The disciplined mind)*^(**) làm chủ ít nhất một cách suy nghĩ - đó là một phương thức nhận thức đặc biệt tiêu biểu cho một môn nghiên cứu, một nghề thủ công hay một công việc chuyên môn. Nhiều nghiên cứu khẳng định rằng phải mất đến 10 năm để thông thạo một lĩnh vực... Nếu không thông thạo ở ít nhất

(*) Nội dung 6 phạm trù này được thể hiện qua các chương từ 4 đến 9.

(**) Bốn loại nội dung ý tưởng là: Khái niệm; Câu chuyện; Lý thuyết; Kỹ năng.

(***) 8 dạng thông minh (Intelligence) là: Dạng thông minh về ngôn ngữ; Dạng thông minh về logic toán học; Dạng thông minh về âm nhạc; Dạng thông minh về không gian; Dạng thông minh về vận động cơ thể; Dạng thông minh về tự nhiên; Dạng thông minh cá nhân; Dạng thông minh hiện sinh.

(****) Thuật ngữ “Lý luận” ở đây được dịch ra từ thuật ngữ “Reason” sẽ có thể gây ra nhầm lẫn các cấp độ tư duy; vì “Theory” thường cũng được dịch là “Lý luận” hay “Lý thuyết” (hay “Thuyết”),

mà Theory và Reason là những năng lực khác nhau: Reason chỉ đơn giản là Lập luận (như là luận kết, bao gồm suy luận, hay quy nạp, hay loại suy hoặc là luận chứng, bao gồm chứng minh hay bác bỏ), còn Lý luận (hay Lý thuyết) là hệ thống khái niệm, phán định và hệ thống lập luận nhằm làm sáng tỏ bản chất, tính quy luật của đối tượng nhất định. Do đó, ở đây “Reason” nên dịch là “Lập luận” (“Luận kết” hoặc “Luận chứng”) thì sát nghĩa hơn.

(*) Các thuật ngữ tiếng Anh tương ứng là: Reason, Research, Resonance, Representational Redescriptions, Resources and Reward, Real World Events, Resistances.

(**) Thuật ngữ “The disciplined Mind” nên dịch là “Tư duy chuyên môn”.

một lĩnh vực thì cá nhân đó phải mang số phận là hành động theo sự chỉ đạo của người khác. *Tư duy tổng hợp (The synthesizing mind)* lấy thông tin từ những nguồn khác biệt, nắm bắt và đánh giá thông tin đó một cách khách quan, và tập hợp chúng theo những cách có ý nghĩa cả với người tổng hợp và những người khác... Dựa trên nguyên tắc và tổng hợp, *Tư duy sáng tạo (The creating mind)* đưa ra sáng kiến, đề ra những ý tưởng mới, đặt ra những câu hỏi khác với thông thường, khơi gợi lên những cách suy nghĩ mới mẻ, dẫn đến những câu trả lời nằm ngoài dự kiến... Nhận thức được rằng ngày nay người ta không thể trốn mãi trong vỏ ốc của mình hay chỉ trên lãnh thổ của mình nữa, *Tư duy tôn trọng (The respectful mind)* ghi nhận và chào đón những khác biệt giữa các cá nhân và các nhóm người, cố gắng để hiểu “những người khác” nhằm làm việc với họ một cách có hiệu quả... Tiến tới một mức độ trừu tượng hơn Tư duy tôn trọng, *Tư duy đạo đức (The ethical mind)* tìm hiểu bản chất công việc của một người, các nhu cầu và khát vọng của xã hội mà người đó đang sống. Tư duy này giải thích người lao động có thể phục vụ cho những mục đích ngoài lợi ích cá nhân như thế nào... (H. Gardner, 2014, tr.17-19). Năm loại tư duy có thể và sẽ đồng vận với nhau.

- Daniel H. Pink (2008), *Một Tư duy hoàn toàn mới (A Whole new Mind. All rights reserved including the right of reproduction in whole or in part in any form,* This edition published by arrangement with Reverhead Books, a member of Penguin (USA), Inc. 2005, 2006), Lotus dịch, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội. Daniel H. Pink quan niệm,

“Chúng ta đang chuyển từ một nền kinh tế - xã hội được xây dựng dựa trên khả năng tư duy logic, tuyến tính, máy móc của thời đại thông tin sang một nền kinh tế - xã hội được xây dựng dựa trên khả năng sáng tạo, đồng cảm và những khả năng lớn lao về sự phát triển nội tại, chính là thời đại Nhận thức... đó là Thời đại trỗi dậy của một lối tư duy và cách tiếp cận cuộc sống khác - lối tư duy coi trọng khả năng “nhận thức tốt” và “cảm thụ cao” (Daniel H. Pink, 2008, tr.11-13).

“Não bộ của chúng ta được chia thành 2 bán cầu. Bán cầu não trái hoạt động nghiêng về suy luận tuyến tính, phân tích và logic. Trong khi đó, tính chất của bán cầu não phải là phi tuyến, tổng quan và cảm tính. Những sự khác biệt này thường khiến chúng ta ngạc nhiên. Và tất nhiên, chúng ta phải tận dụng khả năng của cả 2 bán cầu để giải quyết từ những việc đơn giản nhất. Nhưng chính cấu tạo khác biệt của 2 bán cầu não đã gợi lên một phép ẩn dụ tuyệt vời, giúp chúng ta thấu hiểu hiện tại và định hướng tương lai của chính mình. Ngày nay, những kỹ năng quan trọng của Thời đại trước - các khả năng của bán cầu não trái mang lại sức mạnh cho Thời đại Thông tin - vẫn cần thiết nhưng không đủ. Và các khả năng của một thời chúng ta không chú ý đến hay coi là phù phiếm - khả năng phát minh, đồng cảm, tạo niềm vui và ý nghĩa cuộc sống của bán cầu phải - sẽ ngày càng đóng vai trò quyết định tới thành công. Ngày nay, với mỗi cá nhân, gia đình và tổ chức, thành công trong nghề nghiệp và việc đáp ứng nhu cầu cá nhân cần một tư duy hoàn toàn mới” (Daniel H. Pink, 2008, tr.13-14). Theo Daniel H. Pink, “Như vậy, mọi thứ có vẻ đã rõ

ràng. Thời đại Nhận thức đang hé rạng và những người mong muốn tồn tại trong thời kỳ đó phải làm chủ được những khả năng nhận thức tốt, cảm thụ cao mà tôi đã đề cập. Tình huống đó mang đến cả triển vọng và nguy cơ. Triển vọng là những công việc trong thời đại nhận thức sẽ cực kỳ dân chủ, công bằng. Bạn không cần phải thiết kế chiếc điện thoại di động đời tiếp theo hay khám phá ra nguồn năng lượng thay thế mới. Sẽ có vô số công việc không chỉ dành cho những nhà phát minh, nghệ sĩ và chủ doanh nghiệp mà còn dành cho những nghề nghiệp cần trí tưởng tượng phong phú, trí tuệ xúc cảm và khả năng tư duy bằng não phải, từ luật sư, bác sĩ trị liệu massage, giáo viên, nhà tạo mẫu tới người bán hàng tài năng. Hơn nữa, như tôi đã cố gắng trình bày rõ ràng, những khả năng mà bạn sẽ cần như: Thiết kế - Kể chuyện - Hòa hợp - Đồng cảm - Giải trí - Tìm kiếm ý nghĩa, đều là những thuộc tính cơ bản của con người. Đó là những điều chúng ta làm mà không hề ý thức về động cơ bên trong của nó. Nó tồn tại trong tất cả chúng ta và cần được nuôi dưỡng để phát triển” (Daniel H. Pink, 2008, tr.319).

III. Cơ sở tư duy học đương đại

Cơ sở tư duy học đương đại bao gồm 2 khung lý thuyết: 1) Hệ quan điểm Tư duy phức hợp; và 2) Lý thuyết khinh - trọng.

1. Hệ quan điểm Tư duy phức hợp

Quan điểm này do Edgar Morin thiết kế và thi công, trình bày trong: Edgar Morin (2009), *Nhập môn tư duy phức hợp (Introduction à la pensée complexe)*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

Quan điểm của Edgar Morin xuất phát từ các khái niệm cơ bản như “*Tính phức hợp*” (*Complexité*) và “*Tư duy phức hợp*” (*Pensée Complexe*)..., dựa trên 3 nguyên lý (hay 3 nguyên tắc) nền tảng sau:

- *Nguyên tắc đối /hợp logic (Principe dialogique)*: Mọi đối tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy đều có lưỡng tính đối/hợp logic (dialogic), vừa mâu thuẫn vừa thống nhất. “Nguyên tắc đối hợp logic cho phép ta duy trì tính lưỡng nguyên ở giữa lòng khối thống nhất. Nó kết hợp hai vế vừa bổ sung vừa đối kháng nhau” (Edgar Morin, 2009, tr.113).

- *Nguyên tắc đệ quy (Principe récursif)* hay *Nguyên tắc đệ quy tổ chức (Principe de récurion organisation)*: “Quá trình đệ quy là quá trình mà các sản phẩm và hiệu ứng đều đồng thời là nguyên nhân và nhân tố sản sinh những cái đã tạo nên chúng... Ý tưởng đệ quy là ý tưởng đoạn tuyệt với ý tưởng tuyến tính một chiều theo kiểu nhân/quả, sản phẩm/nhân tố sản sinh, kết cấu thượng tầng, bởi lẽ mọi cái được sinh ra đều quay trở lại cái đã sinh ra nó trong một chu trình đích thân là tự cấu thành, tự tổ chức và tự sản sinh” (Edgar Morin, 2009, tr.113-114).

- *Nguyên tắc toàn hình hay toàn đồ (Principe hologrammatique)*: “Không chỉ bộ phận ở trong toàn thể, mà toàn thể cũng ở trong bộ phận... Ý tưởng toàn hình vượt lên hẳn cả quy giản luận vốn chỉ nhìn nhận các bộ phận, cũng như chủ toàn luận (holisme) chỉ nhìn nhận cái toàn thể” (Edgar Morin, 2009, tr.114-115).

Đối với Edgar Morin, 3 nguyên lý này tạo thành một cấu trúc “*Tam vị nhất*”

thê^(*)). Ông khẳng định: “Vây ý tưởng toàn hình tự bản thân nó là mật thiết với ý tưởng đệ quy, mà bản thân đệ quy cũng một phần gắn với ý tưởng đối/hợp logic” (Edgar Morin, 2009, tr.115).

Tư duy học phức hợp của Edgar Morin bao gồm 2 thành phần cơ bản sau:

1/ *Tri thức học phức hợp (Epistemologie Complexe)*, hoàn thiện Tri thức học cổ điển (Classic Epistemology) bằng cách liên kết các bộ phận quan trọng như: *Vật lý học về Tri thức; Sinh học về Tri thức; Nhân học về Tri thức; Xã hội học về Tri thức; Sinh thái học về Tri thức.*

2/ *Trí học (Noologie – Noology)*^(**) với tư cách là *Khoa học về tư tưởng (La Science des Idées)* đã được Edgar Morin xây dựng trên cơ sở hệ quan điểm Tư duy phức hợp (Pensée Complexe) do ông đề xướng^(***). Đó là môn học mới về tổ chức của tư tưởng trong Trí quyển (Noosphère)^(****) với tư cách là một quyển trời lên trên nền của Tâm lý quyển (Psychosphère) và Xã hội quyển (Sociosphère), mà 2 quyển này (tức là Tâm quyển và Xã quyển) thì trời lên từ Nhân quyển (Anthroposphère), còn Nhân quyển thì trời lên từ Sinh quyển (Biosphère).

(*) Xem, chẳng hạn: Edgar Morin (2006), *Phương pháp 3. Tri thức về Tri thức. Nhân học về Tri thức* (La Méthode 3. La Connaissance de la Connaissance. Anthropologie de la connaissance), Lê Diên dịch, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.196-210.

(**) *Noology* có thể dịch sang tiếng Việt là *Trí học*, hay *Tuệ học* hay là *Trí Tuệ học*.

(***) Xem: Edgar Morin (2008), *Phương pháp 4. Tư tưởng*, Chu Tiến Ánh dịch, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

(****) *Noosphere* có thể dịch sang tiếng Việt là *Trí quyển*, hay *Tuệ quyển*, hay là *Trí Tuệ quyển*.

Trí học theo Edgar Morin, tập trung vào 3 *Chủ đề cơ bản* sau: Ngôn ngữ; Lý tính với logic học; Tư duy hậu kỳ (Chuẩn thức học).

- *Ngôn ngữ*: “... ngôn ngữ là “tám bàn quay” sinh học - nhân học và “tám bàn quay” nhân học - xã hội - trí học... Khoa học về ngôn ngữ sẽ trở thành phát sáng trong mối quan hệ mạch vòng nhân học - văn hóa - trí học, bản thân nó cài vào mạch vòng sinh học, song với điều kiện nó được soi sáng trở lại từ những môn mà nó đã phát sáng tới... Như thế, toàn thể đều chứa đựng trong ngôn ngữ, nhưng bản thân ngôn ngữ lại là một bộ phận của khối toàn thể mà nó chứa đựng. Ngôn ngữ tạo nên chúng ta và chúng ta ở trong ngôn ngữ” (Edgar Morin, 2008, tr.349-350).

- *Lý tính với logic học*: “... Logic học mang thực chất trí học lâu bền trong những nguyên tắc và quy tắc của nó về tính toán... Logic học kiến lập trật tự và quy tắc tính toán cho mọi tư duy và mọi hệ thống tư tưởng...” (Edgar Morin, 2008, tr.352-353). “Theo quan điểm trí học, giữa logic cổ điển với khoa học cổ điển có sự tương ứng rất hoàn hảo... Rất hiển nhiên là chủ trương tuyệt đối hoá logic học - bản thể, như vậy không thể quan niệm được rằng cái logic học của nó chỉ phản ánh mệnh lệnh của một chuẩn thức, chú quyết không phản ánh được trật tự của thế giới...” (Edgar Morin, 2008, tr.359-362).

- *Tư duy hậu kỳ (Chuẩn thức học - Paradigmatologie)* trong quan niệm của Edgar Morin bao gồm 2 nội dung cơ bản sau đây (Edgar Morin, 2008, tr.436-499):

+ *Chuẩn thức là vị chúa tể ở nền tảng ngầm*, vì chuẩn thức nằm trong hạt nhân và đóng vai trò nền tảng của mọi lý thuyết, học thuyết, ý thức hệ; ngay cả logic học cũng phải chịu sự kiểm soát của chuẩn thức...;

+ *Cái nút Gordien* (tức là *Mớ bông bong*), bao gồm các nội dung cụ thể như: Những chuẩn thức “chủ”; Chuẩn thức lớn của phương Tây; Nút Gordien; Chuẩn thức của khoa học cổ điển; Khoa học - Kỹ thuật - Xã hội; Tám bàn quay; Về cuộc cách mạng chuẩn thức; Khủng hoảng...

Edgar Morin đã đưa ra nhận định quan trọng sau: “Chúng ta đang phát biểu “bập bẹ” về một Chuẩn thức học và cái Chuẩn thức học này thì chỉ soi sáng được cho trí học, logic học, ngôn ngữ học cũng như những khoa học xã hội - nhân văn nếu các môn đó có thể soi sáng trở lại cho nó. Như vậy tức là nói rằng chúng ta cần thành lập môn trí học và phức hợp hóa các khoa học khác sao cho chúng có thể tiến bước bằng cách kết hợp chặt chẽ lẫn nhau và cho phép hình dung rõ cái mớ bông bong kiểu “nút Gordien” là Chuẩn thức” (Edgar Morin, 2008, tr.498).

Đóng góp của các công trình chuyên khảo về Tư duy, đặc biệt là của Edgar Morin về Tư duy phức hợp, có ý nghĩa rất quan trọng, đó là sự khởi đầu của tiến trình hợp nhất các khoa học về Tư duy để xây dựng một khoa học thống nhất về Tư duy. Tuy nhiên, khoa học Tư duy phức hợp hay Tư duy học phức hợp do Edgar Morin đề xuất không phải là chuẩn thức (khung mẫu) duy nhất, cũng không phải là chuẩn thức ở đẳng cấp cao nhất. Một chuẩn thức khác, có thể ở

đẳng cấp cao hơn đã được đề xuất, sẽ được trình bày vắn tắt dưới đây.

2. Lý thuyết khinh - trọng

Lý thuyết này được Tô Duy Hợp và cộng sự xây dựng bao gồm 3 thành phần chính: 1/ Lập Thuyết khinh - trọng (tức là Cơ sở lý thuyết khinh - trọng), 2/ Luận Thuyết khinh - trọng (tức là Triển khai lý thuyết khinh - trọng), và 3/ Dụng Thuyết khinh - trọng (tức là Vận dụng lý thuyết khinh - trọng trong Tư duy, Nhận thức và Hoạt động thực tiễn).

Cơ sở lý thuyết khinh - trọng^(*) bao gồm các khái niệm và định đề cơ bản, cơ sở logic khinh - trọng (các nguyên tắc và lược đồ thao tác logic khinh - trọng) sau đây:

(1) *Các khái niệm cơ bản*, gồm: *Các khái niệm đơn* (Trọng, Khinh); *Các khái niệm kép* (Khinh - Trọng, Trọng - Khinh); và *Các khái niệm đối/hợp* (Khinh hoặc/và Trọng, hoặc Trọng hoặc/và Khinh).

(2) *Các định đề cơ bản*, gồm 4 định đề cơ bản sau: 1/ Mọi đối tượng đều có bản tính khinh - trọng; 2/ Quan hệ khinh - trọng là quan hệ cơ bản của các đối tượng và giữa các đối tượng; 3/ Mọi đối tượng đều có thể biến đổi hoặc/và không biến đổi khinh - trọng; 4/ Khách thể tự nó, Chủ thể tự chủ lựa chọn khinh - trọng.

(3) *Cơ sở logic khinh - trọng*, bao gồm: Nguyên tắc logic khinh - trọng và Lược đồ thao tác logic khinh - trọng.

* *Nguyên tắc logic khinh - trọng*, bao gồm:

^(*) Xem chẳng hạn: Tô Duy Hợp (2012), *Khinh - Trọng: Cơ sở lý thuyết*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

- *Nguyên tắc toàn đồ khinh - trọng*: Phân biệt hoặc/và Không Phân biệt, Điều chỉnh hoặc/và Không Điều chỉnh, Thay đổi hoặc/và Không Thay đổi khinh - trọng đối với đối tượng “x” bất kỳ.

- *Nguyên tắc trọng - khinh giá trị chân lý*: Tính chân lý của Tư duy là đa trị và không nhất thành bất biến do người ta có thể tự do hoặc/và bị bắt buộc phải lựa chọn khinh - trọng giữa các giá trị đó.

* *Lược đồ thao tác logic khinh - trọng*, bao gồm:

- *Khung mẫu (KM) phân biệt khinh - trọng*: (i) Khung mẫu phân biệt khinh - trọng thái quá (KM₁: Trọng x thái quá; KM₂: Trọng $\neg x$ ^(*) thái quá). (ii) Khung mẫu phân biệt khinh - trọng có mức độ vừa phải (KM₃: Hỗn hợp x và $\neg x$, coi trọng x hơn $\neg x$; KM₄: Hỗn hợp $\neg x$ và x, coi trọng $\neg x$ hơn x).

- *Khung mẫu không phân biệt K - T*: (i) KM₅: Hỗn hợp, cân bằng bất phân khinh - trọng giữa x và $\neg x$. (ii) KM₆: Nhị nguyên, bình đẳng bất phân khinh - trọng giữa x và $\neg x$. (iii) KM₇: Dung hòa, bất phân khinh - trọng giữa x và $\neg x$. (iv) KM₈: Dung hợp, bất phân khinh - trọng giữa x và $\neg x$.

- *Phương thức (PT) điều chỉnh hoặc thay đổi khinh - trọng*: (i) *Phương thức điều chỉnh khinh - trọng của một khung mẫu (KMi → KMi')* (PT₁ = Tăng hoặc Giảm mức độ khinh - trọng; PT₂ = Mở rộng hoặc Thu hẹp phạm vi khinh -

trọng; PT₃ = Tái cấu trúc khung mẫu khinh - trọng). (ii) *Phương thức thay đổi khinh - trọng giữa các khung mẫu (KMi → KMj)* (PT₄ = Thay đổi khung mẫu khinh - trọng một cách liên tục hoặc gián đoạn; PT₅ = Thay đổi khung mẫu khinh - trọng một cách tuyến tính hoặc phi tuyến tính; PT₆ = Thay đổi khung mẫu khinh - trọng một cách bất thuận nghịch hoặc thuận nghịch).

Vận dụng hệ quan điểm lý thuyết khinh - trọng nêu trên vào trường hợp Tư duy học, ta có thể xây dựng **Sơ đồ khung thao tác Tư duy học**. *Đối tượng nghiên cứu của Tư duy học là Tư duy* (Tư duy học là Học Tư duy nói chung, Khoa học Tư duy nói riêng), khi đó *kết cấu của Tư duy học theo hướng tiếp cận lý thuyết khinh - trọng* sẽ bao gồm 3 bộ phận chính là:

(1) *Khái luận về Tư duy*: Định nghĩa khái niệm “Tư duy”; Tình trạng nan đề Tư duy hoặc/và Phi Tư duy.

(2) *Tư duy khinh - trọng*: đối/hợp cấu trúc của Tư duy (đối/hợp thành tố của Tư duy; đối/hợp loại hình của Tư duy); đối/hợp chức năng của Tư duy; đối/hợp quá trình của Tư duy; đối/hợp bản chất của Tư duy; đối/hợp phương pháp Tư duy.

(3) *Lựa chọn trọng - khinh Tư duy*: đối/Hợp đánh giá Tư duy; đối/hợp sử dụng Tư duy; đối/hợp dự báo Tư duy; đối/hợp kiến tạo Tư duy; đối/hợp thay đổi Tư duy.

Hy vọng rằng Chủ thuyết khinh - trọng sẽ là nền tảng Tư duy mới và là kim chỉ nam cho công cuộc đổi mới Tư duy hướng tới các giá trị toàn nhân loại: Chân - Thiện - Mỹ □

(*) “ $\neg x$ ” là ký hiệu tương trưng phép phủ định x, đọc là Phủ định x (có thể có nhiều loại hình và mức độ phủ định khác nhau, như Phi x, Bất x, Phản x, Vô x; trong tiếng Việt tất cả những dạng phủ định nêu trên đều được gọi chung là “Không là x” hay “Không phải là x”. Thí dụ: Nếu “x” là “Tư duy” thì “ $\neg x$ ” là “Phi Tư duy”, “Phản Tư duy”, “Không là Tư duy”, “Không phải là Tư duy”.